



ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG

Số 3, đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hoà II, P. Long Bình Tân, Đồng Nai, Việt Nam.

Tel: +84 (61) 383 6688

Fax: +84 (61) 383 6552 / 383 6553

Email: tungkuang@tungkuang.com.vn

Website: <http://www.tungkuang.com.vn>

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Công nghiệp Tung Kuang đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Trên cơ sở Điều lệ Công ty cổ phần công nghiệp Tung kuang, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời áp dụng các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm cần sửa đổi, bổ sung của Điều lệ Công ty được trình bày tại phụ lục đính kèm. Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu áp dụng từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua.

Trân trọng.

Những điểm sửa đổi bổ sung như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY
 (Phụ lục đính kèm theo tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty)

Điều khoản áp dụng	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
Lời mở đầu	Điều lệ này được thông qua hợp lệ theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tổ chức vào ngày 27/04/2015 tại công ty Tung Kuang (Số 3, đường 2A, KCN Biên Hòa II, Đồng Nai).	Điều lệ này được thông qua hợp lệ theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tổ chức vào ngày 26/04/2016 tại công ty Tung Kuang (Số 3, đường 2A, KCN Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).	Phù hợp thực tế
Điều 1: Định nghĩa	<p>Điểm a, khoản 1, điều 1: a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này</p> <p>Điểm b, khoản 1, điều 1: "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;</p> <p>Điểm d, khoản 1, điều 1: "Người quản lý" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn</p>	<p>Điểm a, khoản 1, điều 1: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>Điểm b, khoản 1, điều 1: "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;</p> <p>Điểm d, khoản 1, điều 1: "Người quản lý" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p>	Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014

<p>Điều 5. Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập</p>	<p>Khoản 1, điều 5: 1. Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 268.177.770.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tám tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), chia thành 26.817.777 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p>	<p>Khoản 1, điều 5: 1. Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 300.355.730.000 đồng (Ba trăm tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng), chia thành 30.035.573 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p>	<p>Phù hợp với thực tế</p>
<p>Điều 11. Quyền của Cổ đông</p>	<p>Khoản 3, điều 11: 3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên, có các quyền sau:</p>	<p>Khoản 3, điều 11: 3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên, có các quyền sau:</p>	<p>Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014</p>
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều c, Khoản 3, điều 13: c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp qui định hoặc ít hơn một nửa số thành viên qui định trong Điều lệ; Điều a, Khoản 4, điều 13: a. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Tiết c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại Tiết d và e Khoản 3 Điều này;</p>	<p>Điều c, Khoản 3, điều 13: c. Khi số thành viên của Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định tại Điều lệ công ty. Điều a, Khoản 4, điều 13: a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Tiết c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại Tiết d và e Khoản 3 Điều này;</p>	<p>Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014</p>
<p>Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều l, khoản 2, điều 14: 1. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty</p>	<p>Điều l, khoản 2, điều 14: 1. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty</p>	<p>Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014</p>

<p>đồng</p>	<p>được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>		
<p>Điều 16: Thay đổi các quyền</p>	<p>Khoản 1, điều 16: 1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 14 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó</p>	<p>Khoản 1, điều 16: 1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 14 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p>	<p>Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014</p>
<p>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Khoản 1, điều 17: 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Tiết b và c Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này.</p> <p>Khoản 2, điều 17: 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;</p>	<p>Khoản 1, điều 17: 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>Khoản 2, điều 17: 2. Đối với cổ đông bên ngoài Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; Trường hợp cổ đông là người làm việc trong công ty thông báo có thể được thông phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc; đồng thời thông báo mời họp được đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính.</p>	<p>Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014</p>

c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về Đại hội và gửi thông báo Đại hội cho họ.

Khoản 3, điều 17:

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được trong phong bì dán kín gửi tận họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên

Khoản 3, điều 17:

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;
- c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp

Khoản 4, điều 17 (bổ sung):

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

<p>Điều 18: các điều kiện tiến thành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	<p>Khoản 1, điều 18: 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. Khoản 2, điều 18: 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014</p>
<p>Điều 20: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Khoản 1, điều 20: 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>Khoản 2, điều 20: 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan</p>	<p>Khoản 1, điều 18: 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết. Khoản 2, điều 18: 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết</p>	<p>Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014</p>
<p>Điều 20: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Khoản 1, điều 20: 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; đ) Tò chức lại, giải thể công ty;</p> <p>Khoản 2, điều 20: 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy</p>	<p>Khoản 1, điều 20: 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; đ) Tò chức lại, giải thể công ty;</p> <p>Khoản 2, điều 20: 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy</p>	<p>Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014</p>

đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp, từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản với những đối tượng khác (tổng giá trị tài sản được tính bao gồm tài sản của Công ty và các chi nhánh Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất) sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông

định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này

Khoản 3, điều 20: (bổ sung)

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty

Khoản 4, điều 20: (bổ sung)

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

Khoản 5, điều 20: (bổ sung)

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

<p>Điều 24. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Khoản 1, điều 24: 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Khoản 2, điều 24: 2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử hai ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử ba ứng viên và nếu từ 40% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>Phù hợp với thực tế và luật doanh nghiệp năm 2014</p>
<p>Điều 25. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 1, Khoản 3, điều 25: (bổ sung) 1. Quyết định đầu tư hoặc bán bớt một số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất .</p>	<p>Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014</p>
<p>Khoản 1, điều 24: 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 09 (chín) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Khoản 2, điều 24: 2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử hai thành viên; từ 40% đến dưới 65% được đề cử ba thành viên; nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số thành viên.</p>	<p>Phù hợp với thực tế và luật doanh nghiệp năm 2014</p>	

<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>Khoản 1 điều 36: 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban.</p> <p>Khoản 2, điều 36: 2. Cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử hai ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử ba ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử bốn ứng viên và nếu từ 40% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>Khoản 1 điều 36: 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba). Kiểm soát viên phải là Kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Thành viên Ban Kiểm soát không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Các kiểm soát viên Bầu một thành viên làm trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>Khoản 2, điều 36: 2. Cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử hai ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>Phù hợp với thực tế luật doanh nghiệp năm 2014</p>
<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p>	<p>Khoản 1 điều 37: 1. Công ty phải có Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p>	<p>Khoản 1 điều 37: 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật-Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động</p>	<p>Phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014</p>

A-T
 KƯ
 NGH
 HÀ
 T
 38

- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, 6 tháng và hàng quý trước khi trình Hội đồng quản trị;
- e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Công ty;
- g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
- h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Công ty.

- kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c. Thăm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- e. Xem xét số kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp.
- g. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- h. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- i. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- k. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều

160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

l. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

m. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

n. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Đông Nai, ngày 26 tháng 04 năm 2016

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LIU CHENG MIN

